

## HỘI NHẬP TPP - NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Lương Minh Cừ\*, Nguyễn Hồng Sơn\*\*

### 1. Đặt vấn đề

Hội nhập luôn mang đến cả cơ hội và thách thức. Quá trình hội nhập của Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây đã giúp mang lại cho đất nước tăng trưởng về kinh tế, đầu tư, xuất khẩu và thu nhập. Tuy nhiên, mức độ mở cửa càng lớn, đồng nghĩa với rủi ro từ bên ngoài càng cao, và không ngoại trừ khả năng làm gia tăng những rủi ro nội tại.

Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) được 12 nước hoàn tất đàm phán và thông qua tuyên bố chung Atlanta ngày 5/10. Cùng ngày, Bộ trưởng của 12 nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam, đã tuyên bố kết thúc đàm phán.

Đối với Việt Nam, theo giới chuyên gia, TPP sẽ giúp GDP của Việt Nam tăng thêm khoảng 23,5 tỷ USD vào năm 2020 và 33,5 tỷ USD vào năm 2025. Xuất khẩu sẽ tăng thêm khoảng 68 tỷ USD vào năm 2025. Do các thị trường lớn mức thuế nhập khẩu đều sẽ về 0% tạo ra động lực cho các hoạt động xuất khẩu, nhất là các ngành dệt may, giày dép, thủy sản, gạo, hồ tiêu, cà phê... kim ngạch xuất khẩu sẽ có bước đột phá.

TPP sẽ giúp Việt Nam có các cơ hội mới từ chuỗi cung ứng sản phẩm tại các thị trường lớn về dịch vụ và đầu tư; cơ hội để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường; thu hút đầu tư vào những lĩnh vực có hàm lượng tri thức cao; tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

TPP cũng sẽ tạo ra cơ hội giúp nâng cao tốc độ tăng trưởng, theo đó tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập và góp phần xóa đói giảm nghèo; tăng nguồn lực và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe cộng đồng...

Tuy nhiên, tham gia TPP Việt Nam cũng cần vượt qua một số thách thức lớn như: Sức ép cạnh tranh, nhất là lĩnh vực chăn nuôi; Áp dụng các tiêu chuẩn cao về quản trị minh bạch và hành xử của bộ máy Nhà nước; Nguy cơ phá sản của các doanh nghiệp yếu kém và khả năng thất nghiệp trong một bộ phận lao động.

---

\* Phó Giáo sư - Tiến sĩ, Trường Đại học Tài chính - Marketing

\*\* Thạc sĩ, Trường Đại học Tài nguyên - Môi trường TP Hồ Chí Minh

Tại Việt Nam, nông nghiệp chiếm hơn 25% GDP và là một ngành trọng điểm trong nền kinh tế nước ta. Vì vậy, việc nhanh chóng nâng cao năng lực chuỗi giá trị của ngành kinh tế nông nghiệp để chuẩn bị cho Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), sẽ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bài viết này đề cập đến những cơ hội và thách thức chủ yếu của ngành nông nghiệp Việt Nam trong lộ trình tham gia Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

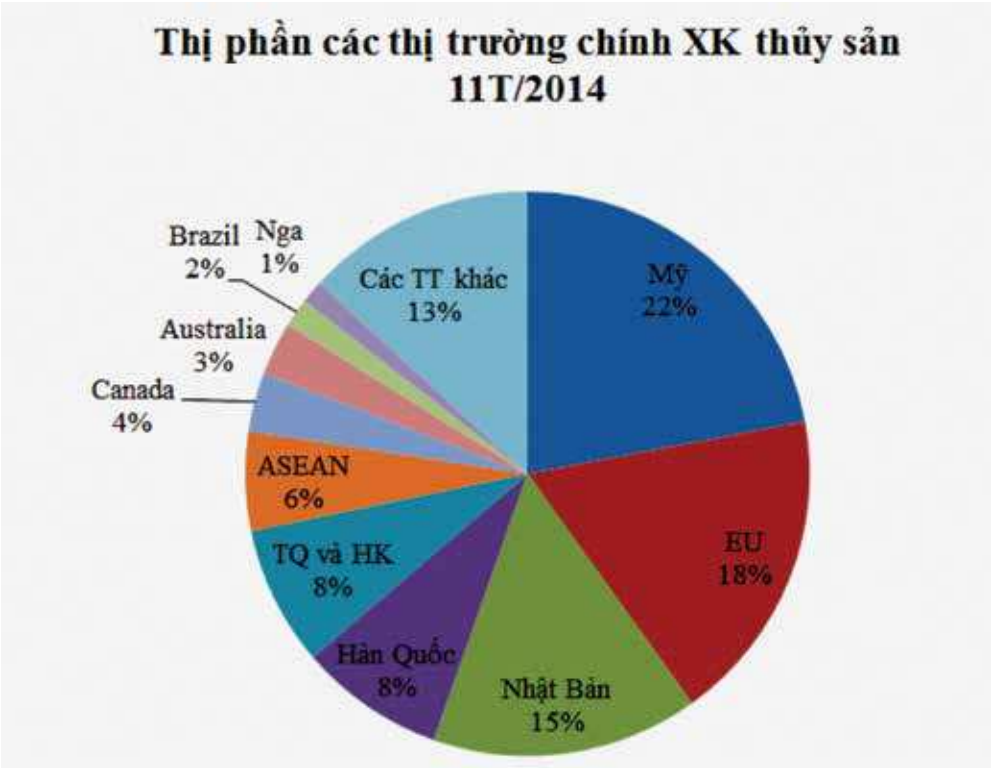
## **2. Ngành nông nghiệp Việt Nam hưởng lợi gì từ TPP?**

Nhiều năm nay, nông nghiệp vẫn là một trong ba cột trụ của nền kinh tế nước ta, trong đó thủy sản được đánh giá mạnh nhất, tiếp đến là trồng trọt và chăn nuôi. Việt Nam có khoảng 10,3 triệu hecta đất canh tác, giá trị xuất khẩu Nông nghiệp lớn, khoảng 30 tỷ USD/năm, chiếm 20% kim ngạch xuất khẩu. Thực tiễn vẫn cho thấy, phát triển kinh tế trong đó lấy Nông nghiệp là đòn bẩy, vẫn đúng với nước ta trong thời điểm hiện nay và giai đoạn trước mắt vì với Nông nghiệp, Việt Nam có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn khi tham gia chuỗi thị trường toàn cầu. Khi tham gia TPP, Việt Nam cần phải tận dụng được các thời cơ sau đây:

Thứ nhất, với Hiệp định TPP được ký kết, một cơ hội rất rõ ràng là thị trường xuất khẩu nông phẩm sẽ mở rộng hơn, thị trường chuỗi cung cấp mới sẽ được hình thành giúp Việt Nam giảm áp lực phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống dễ bị thay đổi. Quan trọng hơn, hầu hết các mặt hàng nông sản sẽ được giảm thuế suất xuống 0% theo lộ trình, sẽ giúp Việt Nam tăng lợi thế cạnh tranh so với các nước có cùng điều kiện sản xuất. Khi TPP có hiệu lực, hầu hết các mặt hàng nông sản xuất khẩu được giảm thuế về 0%, hoặc duy trì ở mức thấp và có lộ trình giảm. Điều đó sẽ tạo cho Việt Nam có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các quốc gia xuất khẩu những mặt hàng nông sản cùng loại, nhưng lại không phải là thành viên của TPP, đặc biệt là các mặt hàng chủ lực như thủy sản, đồ gỗ, cao su, điều, tiêu, v.v...

Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế thì khi TPP được thông qua, các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia... khi giảm thuế nhập khẩu về 0% sẽ tạo ra “cú hích” lớn đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các ngành như thủy sản, trái cây, cà phê... vốn là thế mạnh của nông nghiệp Việt Nam.

Thủy sản được cho là ngành sản xuất nông nghiệp tận dụng được nhiều lợi thế hơn cả khi Việt Nam gia nhập TPP, cụ thể là cơ hội gia tăng xuất khẩu ở mặt hàng này. Nhật Bản, Mỹ là hai trong các quốc gia nhập khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam, các dự báo lạc quan nhận định các thị trường này sẽ còn tăng quy mô hơn nữa khi thuế nhập khẩu giảm về 0%. Nhu cầu về thủy sản ngày càng tăng cùng với những lợi thế về thuế quan đang tạo điều kiện rất thuận lợi cho xúc tiến xuất khẩu và nhiều chuyên gia cho rằng thủy sản Việt Nam hoàn toàn có khả năng tiếp tục chiếm lĩnh thị trường sau TPP. Tương tự, thuế nhập khẩu đối với các thị trường nhỏ hơn như Australia, Singapore và Mexico cũng sẽ giảm xuống, và “lỗi vào” các thị trường này sẽ rộng mở hơn. Với tôm, mực, cá ngừ, hiện thuế xuất khẩu chỉ còn từ 1 - 10%.



Việt Nam là quốc gia có tỷ trọng nông nghiệp lớn nhất và cũng là nền kinh tế có trình độ phát triển thấp nhất trong 12 quốc gia TPP, nhưng lại có ưu thế nổi trội trong sản xuất lúa gạo. Do không mạnh về sản xuất lúa gạo và cũng đa dạng nhu cầu tiêu dùng của mình, các quốc gia đối tác trong TPP của Việt Nam có thể tăng cường nhập khẩu gạo từ nội khối TPP, từ đây mở ra cho lúa gạo Việt Nam những cơ hội xuất khẩu rất lớn. Hiện nay về gạo, do các đối thủ Thái Lan và Ấn Độ chưa vào TPP nên sẽ là cơ hội lớn cho gạo Việt Nam xâm nhập thị trường các nước thành viên TPP khi thuế xuất khẩu gạo của Việt Nam vào các nước này sẽ giảm, như tại Mỹ sẽ giảm từ 7% xuống 0%.

Không chỉ có vậy, phần lớn các nước TPP có nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp như trái cây, gạo, cà phê, tiêu... với khối lượng lớn, đặc biệt là Nhật Bản, Mỹ, Australia... Các nước này hiện là thị trường hàng đầu của trái cây Việt Nam.

Thứ hai, một cơ hội hết sức quý giá là ngành Nông nghiệp của Việt Nam có thể sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài hơn, và nhiều nhà đầu tư chiến lược nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam để hưởng ưu đãi thuế quan. Việc thu hút vốn ngoại này là một kênh quan trọng để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành Nông nghiệp (một chủ trương lớn của Chính phủ Việt Nam hiện nay) trong bối cảnh đã nhiều năm, nông nghiệp là lĩnh vực rất khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư và đang ở trong tình trạng suy giảm đáng lo ngại. Số liệu thống kê cho thấy tính chung trong cả năm 2014 Việt Nam chỉ có khoảng 513 dự án FDI lớn, nhỏ đầu tư vào nông nghiệp và lượng vốn FDI đầu tư vào nông nghiệp cũng rất khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 1,4% tổng số vốn FDI đầu tư vào Việt Nam. (Nguồn: *Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015*).

Trái ngược với các rủi ro trong đàm phán về SPS -TBT và lao động, nội dung về đầu tư hứa hẹn đem đến nhiều cơ hội cho ngành nông nghiệp nước ta. Khi TPP có hiệu lực, Hiệp định này sẽ thúc đẩy, gia tăng đầu tư của các nước thành viên (nhất là các nước phát triển như Mỹ, Australia, New Zealand, Singapore...) vào Việt Nam. Đặc biệt trong một số lĩnh vực Việt Nam mong muốn phát triển như các ngành nông nghiệp công nghệ cao, TPP sẽ tạo cơ hội hình thành các chuỗi khép kín với các công nghệ tiên tiến, tạo khả năng cho Việt Nam tham gia tốt hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

### **3. Những thách thức đối với ngành nông nghiệp Việt Nam khi tham gia TPP**

Tuy mở ra cơ hội rất lớn, song nông nghiệp cũng được đánh giá là lĩnh vực sẽ gặp nhiều thách thức nhất của Việt Nam khi tham gia TPP.

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp nước ta có quy mô nhỏ, chủ yếu là hộ gia đình, do đó trong thời gian ngắn chúng ta rất khó tận dụng cơ hội để tăng sản lượng nông nghiệp phục vụ cho xuất khẩu.

Hiện nay, lĩnh vực nông nghiệp có khoảng 3.500 doanh nghiệp, chỉ chiếm 1% tổng số doanh nghiệp cả nước; trong đó hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỷ đồng chiếm tới 60%, không thâm nhập được vào hệ thống phân phối chính, nên đặt hoạt động xuất khẩu ở tình thế thiếu bền vững, hoặc không đảm bảo cho tính ổn định của sản xuất và thị trường.

Việt Nam có khoảng 11,9 triệu hộ sản xuất nông nghiệp, trong đó 35% số hộ có diện tích canh tác dưới 0,2 ha, 69% số hộ có diện tích dưới 0,5 ha và 80% số hộ có diện tích canh tác dưới 1 ha; chỉ có 20% canh tác hơn 1 ha.

Cả nước có 10,36 triệu hộ trồng cây hàng năm, bình quân mỗi hộ chỉ có 0,62 ha, còn 5,1 triệu hộ trồng cây lâu năm thì mỗi hộ chỉ canh tác trên diện tích bình quân 0,7 ha. Hơn 4 triệu hộ nuôi heo thì 77% nuôi dưới 5 con, có 7,9 triệu hộ nuôi gà thì 90% nuôi dưới 50 con. Việc sản xuất kinh doanh riêng lẻ làm cho sức mạnh kinh tế của hộ nông dân yếu, khả năng chịu đựng rủi ro thấp. (Nguồn: *Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2015*).

Thứ hai, đối với Việt Nam, với đặc điểm là một nước có tỷ trọng sản xuất nông nghiệp khá lớn, đương nhiên Việt Nam mong muốn các đối tác mở cửa thị trường cho nông sản Việt Nam. Thế nhưng ngay trong thời gian đàm phán, các nước TPP đều có xu hướng cương quyết giữ bảo hộ đối với nông sản nội địa của họ.

Thứ ba, Việt Nam phải mở cửa thị trường, tức phải loại bỏ 100% dòng thuế (thuế nhập khẩu) đối với các sản phẩm nông nghiệp, trong khi rào cản kỹ thuật chưa có hoặc không cao, nên thị trường nội địa cũng gặp bất lợi khi cạnh tranh với nông sản ngoại nhập. Khi hội nhập sâu rộng vào TPP, những yếu điểm của Nông nghiệp Việt Nam như công nghệ thiếu tính cạnh tranh, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, lực lượng lao động thiếu kỹ năng không sớm thì muộn cũng sẽ dần bộc lộ. Những mô hình sản xuất, canh tác nhỏ lẻ và manh mún của nông nghiệp Việt Nam

sẽ gặp nhiều trở ngại khi hội nhập vào thị trường lớn. Trình độ chăn nuôi, trồng trọt của các nước trong khối TPP như Australia, Canada, Mỹ... phát triển hơn Việt Nam rất nhiều. Nếu các doanh nghiệp nông nghiệp nước ta không nhanh chóng, linh hoạt chuyển đổi thì kết cục xấu như thua lỗ, phá sản là tất yếu. Từ kinh nghiệm sau vài năm hội nhập vào kinh tế toàn cầu, đặc biệt là WTO, Việt Nam rõ ràng chưa tận dụng được lợi thế cạnh tranh của mình trên sân chơi quốc tế. Bài học từ hội nhập WTO vẫn còn nguyên giá trị. Với các nhóm ngành nhỏ được dự báo sẽ hưởng lợi như nông sản, thủy sản thì cần chủ động hơn về lao động, vốn, đất đai, công nghệ và các nguyên liệu đầu vào, trong khi đó với các nhóm ngành dự báo sẽ gặp nhiều tác động bất lợi như chăn nuôi, lâm nghiệp, thì việc đẩy mạnh tái cơ cấu là việc cần thiết. Bản thân các doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị kế hoạch hành động tích cực và chủ động trên các phương diện, như định hướng thị trường, đối tác, phương thức sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

Thứ tư, vấn đề TBT (Technical Barriers to Trade - hàng rào kỹ thuật thương mại) và SPS (Sanitary and Phytosanitary Measures - biện pháp vệ sinh dịch tễ) rất quan trọng đối với khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài của nông sản Việt Nam, bởi dù thuế nhập khẩu vào các nước đó có được cắt bỏ hết, nhưng việc kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra dư lượng kháng sinh, các đòi hỏi về nhãn mác bao gói... rất chặt chẽ của các nước vẫn ngăn chặn khả năng xuất khẩu của nông sản Việt Nam, thậm chí còn là rào cản mạnh mẽ hơn nhiều so với thuế quan. Nếu không kịp thời chấn chỉnh công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thì ngành chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản sẽ khó cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước chứ chưa nói tới thị trường nước ngoài, đặc biệt là theo lộ trình tham gia TPP, thị trường trong nước buộc phải mở cửa rộng hơn cho thực phẩm nhập khẩu từ các nước khác là thành viên TPP. (Khó tránh khỏi sự tăng khối lượng hàng nhập khẩu nông sản từ các nước thành viên TPP vào Việt Nam khi giá cả của họ cạnh tranh hơn do được sản xuất với quy mô lớn và công nghệ sản xuất hiện đại).

Mặt khác, Việt Nam còn đang lệ thuộc nước ngoài về nguyên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Một số sản phẩm nông nghiệp như sữa, đậu tương, ngô và một số nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc,... Việt Nam vẫn phải nhập khẩu với số lượng lớn. Quy trình sản xuất manh mún vẫn còn khá phổ biến ở Việt Nam, khiến chất lượng nông phẩm rất khó đồng nhất. Vật tư, nguyên liệu để sản xuất nông phẩm bị lệ thuộc vào Trung Quốc với chất lượng khó được kiểm soát làm cho nông sản Việt Nam khó vượt qua được các vòng kiểm tra chất lượng. Việt Nam vẫn chưa quen với công nghệ sạch. Đã không ít lần dư lượng chất hóa học, kháng sinh, vi sinh vật trong nông sản vượt trên ngưỡng cho phép đã khiến hàng xuất khẩu bị trả lại, gây thiệt hại rất cao cả về sản xuất và uy tín quốc tế.

Thứ năm, Hội nhập cần đi liền với đổi mới, nhưng Việt Nam quá chú trọng tới ký kết hiệp định mà lại chậm trễ trong đổi mới, đến khi hàng rào thuế quan xuống gần như bằng 0 thì cả đất nước, chứ không riêng doanh nghiệp, phải đối diện với áp lực cạnh tranh toàn cầu. Đối với một nền kinh tế còn yếu thì hội nhập nhanh quá, sẽ có nguy cơ rơi vào bẫy tự do hóa thương mại. Để hạn chế sự yếu kém này thì cần nhiều cải cách để làm sao hội nhập không làm giảm vai trò của nhà nước, mà là thay đổi từ nhà nước chỉ huy sang nhà nước kiến tạo phát triển.

#### 4. Giải pháp trước mắt cho ngành nông nghiệp Việt Nam

Để tận dụng triệt để cơ hội mà Hiệp định TPP mang lại, giảm thiểu tác động của các thách thức đã và đang phải đối mặt trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, **về chính sách vĩ mô**, chúng ta cần tập trung vào các nhóm giải pháp chính như:

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hóa nông lâm thủy sản Việt Nam;
- Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp;
- Nâng cao năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Giảm thiểu sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu;
- Khẩn trương hoàn thiện môi trường chính sách;
- Nâng cao năng lực thực thi pháp luật và các quy định khác;
- Nâng cao năng lực phân tích và dự báo thị trường;
- Nâng cao khả năng vận dụng cam kết và các biện pháp được áp dụng trong các FTAs;
- Tăng cường năng lực cho Hiệp hội ngành hàng và Doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

**Về phía các doanh nghiệp:** doanh nghiệp Việt Nam cần nhanh chóng kết hợp với nhau tạo thành chuỗi giá trị ngành hàng, tích cực áp dụng những công nghệ, kỹ thuật tiên tiến để đảm bảo các yếu tố: an toàn, vệ sinh, chất lượng cao, giá thành rẻ. Có như vậy, doanh nghiệp nói riêng và ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung mới đủ sức đương đầu với những cơ hội xen lẫn thách thức khi nước ta đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế.

Đối với **ngành nông nghiệp**: cần phải **đổi mới mô hình tăng trưởng** và **tái cơ cấu** lại ngành sản xuất nông nghiệp với ưu tiên tập trung giải quyết 3 thách thức, mâu thuẫn lớn trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp ở nước ta hiện nay, đó là:

Thứ nhất là thách thức, mâu thuẫn giữa mục tiêu xây dựng đội ngũ nông dân hiện đại, chuyên nghiệp với thực trạng thu nhập thấp của lao động nông nghiệp hiện nay ngày càng rõ nét;

Thứ hai là thách thức, mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại quy mô lớn, cạnh tranh, giá trị gia tăng cao với thực trạng đất đai manh mún, chỉ phù hợp với sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ;

Thứ ba là thách thức, mâu thuẫn giữa nhu cầu cao về vốn đầu tư để hiện đại hóa nông nghiệp với hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp còn thấp, rủi ro cao, chưa hấp dẫn. Rất khó thu hút

vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước và vốn FDI vào sản xuất nông nghiệp, do những nguyên nhân như: hiệu quả đầu tư thấp, rủi ro cao; đầu tư vào nông nghiệp kém an toàn do thời gian giao đất còn ngắn, quy hoạch sử dụng đất không ổn định...

Quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, cần chú trọng vào những mục tiêu chủ yếu sau:

+ Chú trọng mục tiêu tái cơ cấu nhằm xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, liên kết chặt chẽ với chuỗi giá trị toàn cầu, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập của nông dân, đảm bảo an ninh lương thực - thực phẩm, ổn định xã hội.

+ Mục tiêu tái cơ cấu còn nhằm tạo ra mối liên kết chặt chẽ, hiệu quả, hài hòa và hợp lý giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn, giữa giai cấp công nhân và nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Tái cơ cấu cũng nhằm mục tiêu tạo ra sự thay đổi phù hợp về quan hệ sản xuất với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, hoàn thiện vai trò của Nhà nước trong ngành nông nghiệp về đầu tư, phân bổ nguồn lực, quản lý đất đai, cung ứng dịch vụ công, quản trị chuỗi ngành hàng, thị trường... để nông dân và doanh nghiệp trở thành chủ thể và động lực trong đầu tư và phát triển sản xuất.

Khi thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp cần phải lưu ý đến 3 nội dung hết sức quan trọng, đó là: tái cơ cấu không gian sản xuất nông nghiệp; tái cơ cấu chuỗi ngành hàng nông sản và tái cơ cấu đối tượng tham gia sản xuất nông nghiệp. Trong đó, tái cơ cấu không gian sản xuất nông nghiệp có vị trí quan trọng nhất. Thực tế cho thấy, trên mỗi vùng của đất nước, nông nghiệp có lợi thế và chức năng, vai trò kinh tế, xã hội, sinh thái môi trường khác nhau. Do vậy, cần thiết có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng vùng. Quá trình tái cơ cấu cần định hình rõ cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển các mô hình sản xuất phù hợp theo vùng miền.

Theo đó, có thể phân chia thành các khu vực như:

+ **Khu vực phát triển ngành hàng nông nghiệp hiện đại, tập trung quy mô lớn:** Đây là khu vực có quy mô sản xuất lớn và hiện đại, dùng những tiêu chuẩn hiện đại nhất về sản xuất, quản trị nông nghiệp để tạo ra giá trị gia tăng về kinh tế, có chuỗi thương mại mạnh được quản trị tốt, có thương hiệu, giá trị gia tăng cao;

+ **Khu vực phát triển ngành hàng nông nghiệp sinh thái, tự nhiên:** Tại các khu vực miền núi, ven biển, nông nghiệp đồng thời có chức năng kinh tế và chức năng sinh thái, cần xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng quản trị chặt chẽ về sinh thái, không đòi hỏi mức độ thâm canh cao;

+ **Khu vực phát triển ngành hàng nông nghiệp chỉ dẫn địa lý:** Những khu vực mà chất lượng sản phẩm nông sản có tính đặc thù xuất phát từ hệ sinh thái và văn hóa bản địa, có sự

khác biệt rõ nét so với sản phẩm cùng loại từ địa phương khác, thì có thể quy hoạch phát triển vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý;

+ **Khu vực phát triển ngành hàng nông nghiệp kết hợp an ninh, quốc phòng:**

+ **Khu vực sản xuất nông hộ quy mô nhỏ:** Đây là mô hình phổ biến hiện nay và vẫn sẽ tồn tại trong thời gian dài ở nhiều vùng, do sinh kế của người dân vẫn dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp;

+ **Khu vực tổ chức cụm liên kết sản xuất công, nông nghiệp và dịch vụ (Cluster):** Nhà nước cần có quy hoạch tổng thể quốc gia, vùng, tỉnh về mạng lưới cụm công - nông nghiệp - dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Đây chính là việc cụ thể hóa Nghị quyết 26-NQ/TW khóa X về mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn.

Đối với **cơ chế, chính sách đất đai**, Nhà nước cần tập trung và tích tụ đất đai có quy mô đủ lớn, ổn định lâu dài, phù hợp với các mô hình sản xuất khác nhau của từng vùng, hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại. Triển khai các quy hoạch đất đai theo vùng, đảm bảo có chiến lược phát triển theo vùng, khắc phục nhược điểm không gian kinh tế bị không gian hành chính chia cắt như hiện nay. Liên kết giữa các lĩnh vực khác như công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp và giữa các lĩnh vực nông nghiệp trong một vùng. Để thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách mới về đất đai theo hướng sau:

*Một là*, ban hành cơ chế, chính sách làm rõ cơ sở pháp lý về hộ nông dân, nhất là hộ kinh tế nông trại quy mô lớn và quyền, lợi ích trong sử dụng đất, thu hồi đất, sử dụng quyền sử dụng đất trong thừa kế, vay vốn tín dụng, tham gia liên doanh, liên kết, đóng góp cổ phần.

*Hai là*, qui hoạch đất đai nông nghiệp ổn định, đồng bộ với quy hoạch dịch vụ, tổ chức khoa học và công nghệ, thương mại, công nghiệp chế biến ... thành những cụm công - nông nghiệp.

*Ba là*, giao đất lâu dài cho nông dân, từ 50 năm đến 70 năm; ở các vùng nông nghiệp ổn định nên giao lâu dài.

*Bốn là*, cần quy hoạch quy mô lớn/hộ sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ tích tụ và tập trung ruộng đất để phát triển *mô hình nông nghiệp hiện đại, tập trung quy mô lớn* ở những vùng công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh, lao động đã rút đáng kể ra khỏi nông nghiệp. Nhà nước nên thử nghiệm quy hoạch vùng nông nghiệp hiện đại riêng biệt, có quy mô từ vài trăm đến hàng ngàn ha, để hình thành kinh tế nông trại có quy mô lớn, sản xuất và quản lý, thương mại hoàn toàn theo tiêu chuẩn hiện đại. Có các giải pháp thúc đẩy mạnh nông dân tự nguyện dồn điền đổi thửa, tích tụ và tập trung ruộng đất thành cánh đồng mẫu lớn. Thúc đẩy quá trình tập trung ruộng đất cùng với phát triển liên kết ngang giữa nông dân cũng như giữa nông dân và doanh nghiệp.

*Năm là*, cần có quy định công nhận đơn vị sản xuất hộ nông dân, kinh tế nông trại, định

nghĩa rõ và xác định ai là nông dân thì sẽ giao đất, không là nông dân thì Nhà nước có thể thu hồi và đền bù theo quy định của Luật Đất đai để giao đất cho nông dân là người trực tiếp và liên tục làm nông nghiệp, hạn chế việc có quyền sử dụng đất nhưng không trực tiếp sản xuất mà “phát canh thu tô”, kể cả ở một số công ty nông, lâm nghiệp hiện nay.

Là thành viên của TPP, Việt Nam sẵn sàng đón nhận cả những cơ hội và thách thức để vượt lên, cùng hướng về một tương lai phát triển nhanh và bền vững, trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực được dự báo là sẽ phát triển năng động nhất thế giới trong thế kỷ XXI.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm thông tin tư liệu Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tóm tắt TPP* (2015).
2. Peter A. Petri. *Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương và tác động của Hiệp định đến nền kinh tế Việt Nam*. Tháng 3/ 2013.
3. Văn Đức Mười. Tham luận “*Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) - Góc nhìn từ ngành nông nghiệp*”. Hội thảo VCCI tháng 8/ 2015.
4. Nguyễn Thị Thành (Công ty luật SMIC). *Những thách thức chính đối với ngành nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập TPP* (2015).
5. CIEM. *Hiệp định TPP - Cơ hội, thách thức và giải pháp chiến lược* (2015).
6. Văn phòng JICA Việt Nam. Chuyên đề “*Hiệp định TPP: Câu chuyện của hội nhập và cải cách thể chế*”. Tháng 7 & 8/ 2015.
7. VCCI (Trung tâm WTO). *Khuyến nghị phương án đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP)*. 2015.
8. Hà Văn Hội. *Tham gia TPP, cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh, tập 31, số 1 (2015).
9. Nguyễn Thị Thu Trang (Trung tâm WTO -VCCI). *Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), Bản chất -Diễn tiến -Tác động* (2015).

Ngày nhận bài: 4/12/2015

Ngày gửi phản biện: 28/12/2015